TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2023
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN - TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khiếu
Ông Trương Xuân Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST–HNGĐ ngày 27-10-2023 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Lục Thị T** – sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn S, xã Tân L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn Nh** – sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn S, xã Tân L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Lục Thị Thế trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn N về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2007, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống tại xã Tân L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chăm lo gia đình, tham

gia các tệ nạn xã hội… vợ chồng sống ly thân 02 năm nay và không quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh N có 02 con là Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 06-7-2008 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23-11-2010. Sau khi ly hôn, chị có yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc H và anh N trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc Đ. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Nguyễn Văn N nhưng anh N vắng mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 09, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: giao con Nguyễn Ngọc H cho chị Thế trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Ngọc Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn N về chung sống với nhau tự nguyện năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Tân L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vì vậy hôn nhân giữa chị T và anh N là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân hai năm nay, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân, phù hợp với nội dung xác minh của Toà án tại địa phương. Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*."

Như vậy, chị T và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị T và anh N có 02 con là Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 06-7-2008 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23-11-2010, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án xác định hiện tại các con đang sinh sống tại xã Tân L, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có nơi ở và học tập ổn định. Cháu Đ có nguyện vọng ở cùng bố, cháu H có nguyện vọng ở cùng mẹ.

Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình 2015 quy định: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên…"*

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Nguyễn Ngọc H cho chị Thế trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Ngọc Đ cho anh Nhịp trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị Lục Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lục Thị T và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: giao cho chị Lục Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23-11-2010 cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 06-7-2008 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lục Thị T phải chịu 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2022/0001131 ngày 27-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh